

**Phụ lục III**  
**THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC KHU VỰC MỎ ĐÃ CÓ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**  
**ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2026**  
*(Kèm theo Thông báo số /TB-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

Số TT	Loại Khoáng sản, vị trí khu vực mỏ	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108 <sup>0</sup> 15', múi chiều 3 <sup>0</sup>		Diện tích (ha)	Trữ lượng được phê duyệt (m <sup>3</sup> )	Giá khởi điểm R <sub>kd</sub> (%)	Bước giá R <sub>bg</sub> (%)	Tiền đặt trước (đồng)	Tổng năng lực tài chính tối thiểu (đồng)	Mức thu tiền bán hồ sơ (đồng)
		X (m)	Y (m)							
99	Khu vực mỏ số 99 - Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xã Phù Mỹ Tây	1.570.565 1.570.570 1.570.328 1.570.378 1.570.473 1.570.491	580.467 580.603 580.550 580.476 580.425 580.503	2,41	833.543	4.058.000.000	405.800.000	1.217.400.000	2.276.000.000	200.000
100	Khu vực mỏ số 100 - Mỏ cát xây dựng tại sông Hà Thanh, xã Canh Vinh	1.519.976 1.519.955 1.519.797 1.519.759 1.519.795 1.519.910	592.382 592.240 591.945 591.968 592.124 592.397	3,8	43.314	385.000.000	38.500.000	192.500.000	1.471.000.000	100.000